TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CỬA LÒ** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:104/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 13/10/2022
"Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CỬA LÒ, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Minh Chính

Bà Phùng Thị Quỳnh Hòe

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cửa Lò tham gia phiên toà: Bà Phan Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Cửa Lò xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 69/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 07 năm 2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Viết H, sinh năm 1976. Có mặt

Trú tại: Xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1982. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi ĐKHKTT: Khối 01, phường T, thị xã C, tỉnh Nghệ An

Nơi ở hiện nay: Số nhà 22-24-26, đường N, khối 01, phường T, thị xã C, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện theo ủy quyền (Quan hệ tài sản chung): Ông Hoàng Văn D, sinh năm 1975. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khối 15, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Sau đây viết tắt là ngân hàng), địa chỉ: Số 306 B, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Xuân T – PPT Phòng Giao dịch Bình Minh Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Cửa Lò. Có mặt.

+ Ông Lê Viết T, sinh năm 1947

Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1952

Đều trú tại: Xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người làm chứng:

+. Ông Chu Văn H và bà Nguyễn Thị Thu H

Trú tại: Khối 15, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An

+. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972

Trú tại: Xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An

+. Bà Lê Thị H

Trú tại: Xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An

+. Bà Hoàng Thị H

Trú tại: Khối 04, phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An

(Người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 07/07/2022, tại bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn, anh Lê Viết H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Viết H và chị Nguyễn Thị Thu H kết hôn có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện ngày 21/05/2021 tại UBND phường T, thị xã C, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn một năm, hai vợ chồng chung sống không hạnh phúc, không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống cũng như nuôi dạy con riêng của anh Lê Viết H nên anh H quyết định ly hôn chị Nguyễn Thị Thu H.

Về quan hệ con chung: Anh Lê Viết H và chị Nguyễn Thị Thu H không có con chung.

Về tài sản chung: Anh Lê Viết H và chị Nguyễn Thị Thu H có tài sản chung là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1188, tờ bản đồ số 11, diện tích 170m^2. Đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 700102, nhượng quyền sử dụng đất cho ông Lê Viết H, bà Nguyễn Thị Thu H theo hồ sơ số 002333.CN.004.

Về nợ chung: Ngày 16/02/2022, anh Lê Viết H và chị Nguyễn Thị Thu H có làm thủ tục vay vốn tại ngân hàng theo các Hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số 28011/2022 – HĐCVHM/NHCT441, ký ngày 16/02/2022, số tiền vay: 700.000.000đ *(Bảy trăm triệu đồng)*.

Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất tại xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 700102, nhượng quyền sử dụng đất cho ông Lê Viết H, bà Nguyễn Thị Thu H theo hồ sơ số 002333.CN.004.

Do có nhu cầu tăng thêm hạn mức vay vốn nên ngày 24/02/2022, chị H ký Hợp đồng tín dụng số 28014/2022 – HĐCVHM/NHCT441 số tiền vay: 1.900.000.000đ *(Một tỷ chín trăm triệu đồng – Bao gồm cả dư nợ của Hợp đồng tín dụng số 28011/2022 – HĐCVHM/NHCT441, ký ngày 16/02/2022)*

Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất tại xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 648629 mang tên ông Lê Viết H.

Tổng số tiền vợ chồng anh H chị H vay của Ngân hàng là 1.900.000.000 đồng. Ngân hàng trực tiếp chuyển số tiền vợ chồng anh H vay vào tài khoản cá nhân của chị Nguyễn Thị Thu H. Mục đích vay để vợ chồng đầu tư kinh doanh bất động sản, chị Nguyễn Thị Thu H là người trực tiếp quản lý tiền. Nguồn tiền vay ngân hàng có sử dụng 640.000.000 đồng ngoài số tiền cá nhân anh H bán xe 360.000.000 đồng vào việc mua thửa đất số 1188, tờ bản đồ số 11, diện tích 170m^2. Đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 700102, nhượng quyền sử dụng đất cho ông Lê Viết H, bà Nguyễn Thị Thu H theo hồ sơ số 002333.CN.004. Phần còn lại do kinh doanh thua lỗ và sử dụng chung. Số tiền còn lại chị H đang cầm giữ nhưng còn cụ thể bao nhiêu thì anh H không biết. Quá trình vay nợ, vợ chồng anh H đã trả được cho ngân hàng 2.774.108 đồng tiền gốc, 90.337.828 đồng tiền lãi, 3.624.642 đồng tiền lãi phạt quá hạn, tổng 96.736.578 đồng.

Về phân chia tài sản chung: Anh H có nguyện vọng nhận quyền sử dụng đất số 1188 nêu trên và trích tiền chênh lệch tài sản theo giá Hội đồng định giá xác định cho chị Nguyễn Thị Thu H.

Về nghĩa vụ trả nợ, nếu ly hôn anh H có nguyện vọng chia đôi số nợ trên, mỗi người có trách nhiệm trả nợ một nửa số nợ cho ngân hàng. Cụ thể: Anh H có nghĩa vụ trả nợ 953.840.128 đồng, chị H trả 953.840.128 đồng (Bao gồm tiền gốc và lãi suất tính đến ngày 13/10/2022). Anh H thống nhất với quan điểm của ngân hàng về việc anh H là người trực tiếp thực hiện nghĩa vụ trả nợ với ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký. Anh đề nghị khấu trừ số tiền chênh lệch tài sản chung chị H được hưởng là 340.000.000 đồng vào số nợ chung chị H có

nghĩa vụ phải trả cho ngân hàng 953.840.128 đồng. Chị H phải giao trả lại cho anh H 613.840.128 đồng. Từ sau ngày 13/10/2022 anh H có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng với ngân hàng, nếu vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngân hàng có quyền phát mãi tài sản thế chấp.

Về việc chị Nguyễn Thị Thu H khai "*Ngày 28/01/2022, vợ chồng tôi góp tiền với anh Hoàng Anh Đ địa chỉ phường N, thị xã C mua của vợ chồng anh Chu Văn H và chị Nguyễn Thị Thu H địa chỉ phường Q, thành phố V mảnh đất diện tích 1.000m^2 đất ở tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 04 tại Xóm 18, xã N, huyện N số tiền 2.900.000.000 đồng, trong đó vợ chồng tôi góp 2.000.000.000 đồng, anh Hoàng Anh Đ góp 500.000.00 đồng. Ngày 02/12/2021, anh H bán cho anh Lê Văn T , địa chỉ khối V, phường H, thành phố V số tiền 3.510.000.000 đồng, trong đó anh H nhận tiền cọc 700.000.000 đồng"* là không đúng sự thật, không liên quan đến vấn đề tài sản chung của vợ chồng anh H chị H. Anh H khẳng định chị H trình bày như trên hoàn toàn không đúng sự thật. Thực tế, vợ chồng anh H, chị H có mối quan hệ quen biết với vợ chồng anh Chu Văn H, chị Nguyễn Thị Thu H. Tuy nhiên, vợ chồng anh H không góp tiền với anh Hoàng Anh Đ để mua đất của vợ chồng anh H, chị H vì anh H, chị H không bán đất cho anh H, chị H. Ngoài ra, vợ chồng anh Chu Văn H, chị Nguyễn Thị Thu H hiện đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại khối 15, phường L, thành phố V chứ không phải trú tại phường Q, thành phố V như chị H khai. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Về việc chị H khai *"Ngày 01/4/2021, tôi đặt cọc 50.000.000 đồng để mua của chị Nguyễn Thị L, địa chỉ Xóm T, xã N, huyện N thửa đất số 619, tờ bản đồ 01, diện tích 360m^2, trị giá 432.000.000 đồng xóm T, xã N, huyện N. Ngày 25/01/2022, tôi tiếp tục thanh toán cho chị L 290.000.000 đồng. Tổng cộng chị L đã nhận của tôi 340.000.000 đồng, hiện đang làm thủ tục thửa đất chưa tách thửa"*. Việc chị H trình bày như trên là giao dịch cá nhân giữa chị H và bà Nguyễn Thị L, không liên quan đến cá nhân anh H vì ngày 21/05/2022, anh Hiền và chị Hoàn mới đăng ký kết hôn. Đây là giao dịch riêng giữa cá nhân chị H và bà Nguyễn Thị L (Nếu có), không liên quan đến việc giải quyết vấn đề tài sản chung giữa anh H và chị H. Trước đó anh H có đặt vấn đề chuyển nhượng đất với bà Nguyễn Thị L nhưng do đất bà Lý bán là đất ruộng, không được làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên anh H không mua. Còn việc chị H mua bán với bà Lý như thế nào anh H không biết, không liên quan.

Tại đơn trình bày ý kiến đề ngày 29/07/2022, bản tự khai đề ngày 22/08/2022, chị Nguyễn Thị Thu H khai:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Lê Viết H kết hôn với nhau ngày 21/05/2021 tại UBND phường Thu Thủy trên cơ sở tự nguyện. Nay hai vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên chị H đồng ý ly hôn với anh H.

2. Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 1188, tờ bản đồ số 11, diện tích 170m^2 tại xóm T (xóm 10 cũ), xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An đã được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCNQSD đất, hiện đang thế chấp ngân hàng.

Ngày 28/01/2022, vợ chồng chị H góp tiền với anh Hoàng Anh Đ địa chỉ phường N, thị xã C mua của vợ chồng anh Chu Văn H và chị Nguyễn Thị Thu H địa chỉ phường Q, thành phố V mảnh đất diện tích 1.000m^2 đất ở tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 04 tại Xóm 18, xã N, huyện N số tiền 2.900.000.000 đồng, trong đó vợ chồng chị H góp 2.000.000.000 đồng, anh Hoàng Anh Đ góp 500.000.00 đồng. Ngày 02/12/2021, anh H bán cho anh Lê Văn T, địa chỉ khối V, phường H, thành phố V số tiền 3.510.000.000 đồng, trong đó anh H nhận tiền cọc 700.000.000 đồng.

Ngày 01/4/2021, chị H đặt cọc 50.000.000 đồng để mua của chị Nguyễn Thị L thửa đất số 619, tờ bản đồ 01, diện tích 360m^2, trị giá 432.000.000 đồng xóm T, xã N, huyện N. Tại đơn trình bày ngày 29/07/2022, chị H khai, ngày 25/01/2022, chị H tiếp tục thanh toán cho chị L 290.000.000 đồng. Tổng cộng chị L đã nhận của chị H 340.000.000 đồng, hiện đang làm thủ tục thửa đất chưa tách thửa. Tại bản tự khai đề ngày 22/08/2022, chị H khai, ngày 25/01/2022, chị H tiếp tục thanh toán cho chị L 260.000.000 đồng. Tổng cộng chị L đã nhận của chị H 310.000.000 đồng, hiện đang làm thủ tục thửa đất chưa tách thửa.

3. Về nợ: Ngày 16/02/2022 vợ chồng chị H vay của Ngân hàng 700.000.000 đồng hiện chưa trả.

Đối với khoản nợ 1.200.000.000 đồng chị H không liên quan vì tài sản thế chấp của anh H có trước khi kết hôn không đưa vào tài sản chung nên chị H không liên quan đến khoản nợ này. Khi vay tiền, anh H không dùng số tiền vay để chi tiêu gia đình mà trả nợ cho em gái tên là Lê Thị H 1.000.000.000 đồng nhờ chị Hoàng Thị H chuyển vào số tài khoản 030032050626 ngân hàng sacombank TMCP Sài Gòn Thường Tín. Do đó, chị H không liên quan đến khoản nợ này.

Như vậy, trên cơ sở tài sản hiện có sau khi trừ đi khoản nợ Ngân hàng 700.000.000 đồng còn lại chia đôi mỗi người một nửa. Đối với việc mua đất của bà Nguyễn Thị L đề nghị Tòa án chia đôi mỗi người một nửa diện tích đất tương đương 180m^2 (chiều rộng 7m, chiều dài 25,7m).

Đối với số tiền góp 2.000.000.000 đồng đóng góp với anh Hoàng Anh Đ mua đất của anh H chị H sau khi trả nợ cho anh Đ 500.000.000 đồng còn lại chia đôi mỗi người 1.000.000.000 đồng.

Tại biên bản làm việc đề ngày 19/09/2022 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Về quan hệ tài sản chung) – Ông Hoàng Văn D khai: Về quan điểm giải quyết tài sản chung, khoản nợ chung vợ chồng, đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Không có ý kiến gì về các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tiếp cận, công khai. Đến thời điểm hiện tại (ngày 19/09/2022), phía bị đơn không có bất cứ tài liệu, chứng cứ bổ sung giao nộp cho Tòa án; không yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ; không yêu cầu Tòa án triệu tập người tham gia tố tụng khác; không có yêu cầu phản tố. Quá trình điều tra Tòa án đã thu thập đầy đủ các tài liệu cũng như bản tường trình, bản tự khai của chị H và người liên quan có tại hồ sơ. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu của chị H cung cấp để giải quyết, đảm bảo quyền lợi cho chị H.

Quá trình tố tụng ông Đinh Xuân T – Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng - người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Anh Lê Viết H và chị Nguyễn Thị Thu H có làm thủ tục vay vốn tại ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 28011/2022 – HĐCVHM/NHCT441, ký ngày 16/02/2022, số tiền vay: 700.000.000đ *(Bảy trăm triệu đồng)*.

Vì phía anh H, chị H có nhu cầu tăng thêm hạn mức vay vốn để bổ sung vốn phục vụ kinh doanh thuỷ sản nên ngày 24/02/2022, chị H đã ký Hợp đồng tín dụng 28014/2022 – HĐCVHM/NHCT441 với Ngân hàng. Hợp đồng tín dụng số 28014/2022 – HĐCVHM/NHCT441, ký ngày 24/02/2022, số tiền vay: 1.900.000.000đ (Một tỷ chín trăm triệu đồng), (Bao gồm dư nợ của hợp đồng 28011), theo giấy nhận nợ số 01 ngày 16/02/2022 số tiền 700.000.000đ (ngày đến hạn là 16/08/2022); Giấy nhận nợ số 02 ngày 24/02/2022 số tiền 1.200.000.000đ (ngày đến hạn 24/11/2022).

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay nêu trên là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử dụng sở hữu và nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV648629, số vào sổ cấp GCN: CS 04030/2020 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nghệ An cấp ngày 10/08/2020 đứng tên anh Lê Viết H; Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất quyền sử dụng sở hữu và nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 700102, sổ vào sổ cấp GCN: CH 03590/2019 do UBND huyện Nghi Lộc cấp ngày 25/10/2019 đứng tên anh Lê Viết H, chị Nguyễn Thị Thu H. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 28011/2022/HĐBĐ/NHTC441 ngày 15/02/2022 ký giữa ngân hàng và bên thế chấp là anh Lê Viết H, chị Nguyễn Thị Thu H. Quá trình vay nợ, vợ chồng anh H đã trả được cho ngân hàng 2.774.108 đồng tiền gốc, 90.337.828 đồng tiền lãi, 3.624.642 đồng tiền lãi phạt quá hạn, tổng 96.736.578 đồng.

Về quan điểm giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Thu H là người đại diện vay vốn, ký nhận nợ tại ngân hàng, sau nhiều lần ngân hàng gửi giấy thông báo mời lên trụ sở làm việc nhưng đều không hợp tác và hiện tại không có khả năng thanh toán cho HĐTD số 28014/2022 – HĐCVHM/NHCT441 ký ngày 24/02/2022.

Tài sản chung của anh H, chị H không đủ giá trị đảm bảo thực hiện cho nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng mà cần phải có tài sản riêng thế chấp của anh H mới đủ đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Quá trình thực hiện việc vay vốn, anh H thống nhất thế chấp tài sản đảm bảo cho khoản vay 1.900.000.000đ *(Một tỷ chín trăm triệu đồng)* tại ngân hàng bao gồm tài sản chung vợ chồng và tài sản riêng của anh H. Do đó, ngân hàng đề nghị tòa án giao tài sản chung của hai vợ chồng cho anh H và yêu cầu anh H chịu hoàn toàn trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi của Hợp đồng tín dụng 28014/2022 – HĐCVHM/NHCT441 cho ngân hàng tổng số tiền: 1.907.680.255 đồng. Trong đó tiền gốc: 1.897.225.892 đồng; lãi trong hạn 9.079.019 đồng; lãi phạt quá hạn 1.375.344 đồng tính đến ngày 13/10/2022 và các khoản tiền lãi, tiền phạt phát sinh sau ngày 13/10/2022 cho đến khi khách hàng hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng số số 28014/2022 – HĐCVHM/NHCT441 ký ngày 24/02/2022. Trường hợp khách hàng không thanh toán, thanh toán không đầy đủ, ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam có quyền phát mãi tài sản thế chấp nêu trên.

Quá trình tố tụng - người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Viết T, bà Nguyễn Thị M trình bày: Vợ chồng ông Trung bà Minh đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án bổ sung số 69A/TB – TLVA ngày 09/09/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò giao. Trong thông báo của Tòa án có nêu: "*Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/08/2022 của Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, thửa đất số 1222, tờ bản đồ số 11 được UBND huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV64829*

ngày 10/08/2020 mang tên ông Lê Viết H. Quá trình sử dụng ông Lê Viết H có xây dựng 12m^2 lán trại chồng lấn sang thửa đất 1055 tờ bản đồ số 11 thuộc quyền sử dụng của ông Lê Viết T, bà Nguyễn Thị M; Có xây dựng 20m^2 lán trại chồng lấn sang thửa đất 1283 tờ bản đồ số 11 – Bộ bản đồ địa chính xã Nghi Trường, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An – thuộc quyền sử dụng của ông Lê Viết T và bà Nguyễn Thị M".

Ông T bà M khẳng định việc chồng lấn diện tích đất của anh Lê Viết H nêu trên là vì tính chất lịch sử địa chính địa phương do tại thời điểm làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc đo đạc tiến hành bằng tay, độ chính xác không cao, không phải lấn chiếm do chủ quan của người sử dụng. Do quan hệ cha – mẹ và con cái (ông Lê Viết H là con đẻ của vợ chồng ông T bà M) nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề liên quan đến việc thửa đất số 1222, tờ bản đồ số 11 của anh Lê Viết H quá trình sử dụng anh H có xây dựng 12m^2 lán trại chồng lấn sang thửa đất 1055; 20m^2 lán trại chồng lấn sang thửa đất 1283, cùng tờ bản đồ số 11 – Bộ bản đồ địa chính xã Nghi Trường, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An – thuộc quyền sử dụng của ông Lê Viết T và bà Nguyễn Thị M. Vợ chồng ông T bà M và con trai Lê Viết H sẽ tự thỏa thuận với nhau. Do vợ chồng ông T bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết liên quan đến anh Lê Viết H có xây dựng chồng lấn sang hai thửa đất nên đề nghị Tòa án không triệu tập ông bà đến Tòa án làm việc, không đưa ông bà vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Quá trình tố tụng người làm chứng vợ chồng ông Chu Văn H và bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Ông H , bà H khẳng định lời khai của chị Nguyễn Thị Thu H về việc vợ chồng ông bà có bán đất cho vợ chồng anh H, chị H là không đúng sự thật. Vợ chồng ông H , bà H không bán cho vợ chồng anh Lê Viết H và chị Nguyễn Thị Thu H thửa đất số 10, tờ bản đồ 04 tại xóm 18, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An như chị H trình bày. Vì vậy, đề nghị Tòa án không triệu tập ông bà đến Tòa án làm việc, không đưa ông bà vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông bà không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan trong vụ án.

Quá trình tố tụng người làm chứng bà Nguyễn Thị L trình bày: Việc chị H trình bày "*Ngày 01/04/2021 tôi đặt cọc 50.000.000 đồng để mua của chị Nguyễn Thị L địa chỉ xóm T, xã N, huyện N thửa đất số 619, tờ bản đồ số 01, diện tích 360m^2, trị giá 432.000.000 đồng. Ngày 25/01/2022 tôi tiếp tục thanh toán cho chị L 290.000.000 đồng. Tổng cộng chị L đã nhận của tôi 340.000.000 đồng, hiện đang làm thủ tục thửa đất chưa tách thửa"*. Bà L

khẳng định, lời trình bày của chị H không đúng sự thật, không có căn cứ pháp lý. Bà L không có giao dịch, chuyển nhượng mua bán bất kỳ diện tích đất nào đối với vợ chồng anh Lê Viết H, chị Nguyễn Thị Thu H. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án không triệu tập bà đến Tòa án làm việc, không đưa bà vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan trong vụ án.

Quá trình tố tụng người làm chứng bà Lê Thị H trình bày: Việc chị Nguyễn Thị Thu H khai nại "*Sau khi vợ chồng anh H, chị H vay số tiền 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng) tại ngân hàng, có Hoàng Thị H đã chuyển vào số tiền này vào tài khoản 030032050626 của tôi - Lê Thị H qua ngân hàng sacombank TMCP Sài Gòn Thường Tín*" là không đúng sự thật. Bà H khẳng định, từ trước đến nay, bà không có bất cứ giao dịch vay mượn tiền bạc gì liên quan đến vợ chồng anh chị H, H ; không có bất cứ tài liệu, chứng cứ gì chứng minh về việc bà có giao dịch tiền bạc với vợ chồng anh H, chị H. Bà H và bà Nguyễn Thị H có mối quan hệ quen biết, có giao dịch làm ăn với nhau. Ngày 24/02/2022, bà H có nhận số tiền 1.200.000.000đ *(Một tỷ hai trăm triệu đồng)* do bà Hường chuyển vào tài khoản 030032050626 của bà H tại ngân hàng sacombank TMCP Sài Gòn Thường Tín. Đây là giao dịch làm ăn riêng giữa bà H và bà H , không liên quan gì đến khoản tiền vay của anh H, chị H với ngân hàng. Bà H khẳng định không liên quan đến giao dịch tiền bạc; không có bất cứ quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gì đến việc phân chia tài sản chung của vợ chồng anh H, chị H. Bằng văn bản này, bà đề nghị Tòa án không xác định bà là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án; không triệu tập bà tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Quá trình tố tụng người làm chứng bà Hoàng Thị H trình bày: Bà Hoàng Thị H hoàn toàn không biết và không liên quan gì đến việc phân chia tài sản chung giữa vợ chồng chị Nguyễn Thị Thu H và anh Lê Viết H (địa chỉ: Xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An). Đề nghị Tòa án căn cứ vào hồ sơ, giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác minh và thu thập chứng cứ, tổ chức hòa giải cũng như thời hạn giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa. Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ

luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người làm chứng – Hoàng Thị H chấp hành không nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 27, 37, 51, 55, 57, 59, 60 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa anh Lê Viết H và chị Nguyễn Thị Thu H. Về con chung: Anh Lê Viết H và chị Nguyễn Thị Thu H không có con chung nên miễn xét.

Về tài sản chung: Xác định tài sản chung của anh Lê Viết H, chị Nguyễn Thị Thu H là quyền sử dụng thửa đất số 1188, tờ bản đồ số 11, diện tích 170m^2 tại xóm T (xóm 10 cũ), xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An đã được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCNQSD đất (hiện đang thế chấp ngân hàng). Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản ngày 24/08/2022, thửa đất số 1188, tờ bản đồ số 11 có giá trị: 680.000.000đ *(Sáu trăm tám mươi triệu đồng)*. Giao cho anh Lê Viết H quyền sử dụng đất đối với thửa đất 1188, tờ bản đồ số 11 và buộc anh Lê Viết H trích tiền chênh lệch tài sản cho chị Nguyễn Thị Thu H.

Về nợ chung: Xác định anh Lê Viết H và chị Nguyễn Thị Thu H có các khoản nợ chung đối với ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 28014/2022 – HĐCVHM/NHCT441, ký ngày 24/02/2022, số tiền vay: 1.900.000.000đ *(Một tỷ chín trăm triệu đồng)*.

Tài sản thế chấp: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử dụng sở hữu và nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 648629, số vào sổ cấp GCN: CS 04030/2020 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nghệ An cấp ngày 10/08/2020 đứng tên anh Lê Viết H; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử dụng sở hữu và nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 700102, số vào sổ cấp GCN: CH 03590/2019 do UBND huyện Nghi Lộc cấp ngày 25/10/2019 đứng tên anh Lê Viết H, chị Nguyễn Thị Thu H. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 28011/2022/HĐBĐ/NHTC441 ngày 15/02/2022 ký giữa ngân hàng và bên thế chấp là anh Lê Viết H, chị Nguyễn Thị Thu H.

Tổng số tiền vợ chồng anh H chị H vay của Ngân hàng là 1.900.000.000 đồng. Quá trình vay nợ, vợ chồng anh H đã trả được cho ngân hàng 2.774.108 đồng tiền gốc, 90.337.828 đồng tiền lãi, 3.624.642 đồng tiền lãi phạt quá hạn, tổng 96.736.578 đồng. Buộc anh Lê Viết H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền: 1.907.680.255 đồng. Trong đó tiền gốc: 1.897.225.892 đồng; lãi trong hạn

9.079.019 đồng; lãi phạt quá hạn 1.375.344 đồng tính đến ngày 13/10/2022 và các khoản tiền lãi, tiền phạt phát sinh sau ngày 13/10/2022 cho đến khi khách hàng hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng số số 28014/2022 – HĐCVHM/NHCT441 ký ngày 24/02/2022. Trường hợp khách hàng không thanh toán, thanh toán không đầy đủ, ngân hàng có quyền phát mãi tài sản thế chấp nêu trên.

Anh Lê Viết H phải trích tiền chênh lệch tài sản là 340.000.000đ *(Ba trăm bốn mươi triệu đồng)* cho chị Nguyễn Thị Thu H nhưng khấu trừ đi 953.840.128đ *(Chín trăm năm mươi ba triệu tám trăm bốn mươi nghìn một trăm hai mươi tám đồng)* chị H có nghĩa vụ phải trả nợ cho ngân hàng, buộc chị Nguyễn Thị Thu H phải hoàn lại cho anh Lê Viết H 613.840.128đ *(Sáu trăm mười ba triệu tám trăm bốn mươi nghìn một trăm hai mươi tám đồng)*.

Về án phí: Anh Lê Viết H tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Lê Viết H, chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu nghĩa vụ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Đây là vụ án hôn nhân gia đình do anh Lê Viết H yêu cầu, nơi ĐKHKTT của chị Nguyễn Thị Thu H ở khối 01, phường T, thị xã C, tỉnh Nghệ An; Nơi ở hiện nay: Số nhà 22-24-26, đường N, khối 01, phường T, thị xã C, tỉnh Nghệ An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.

[1.2]. Về xác định tư cách người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, trên cơ sở trình bày của chị H, Tòa án có thu thập lời khai của anh Chu Văn H, chị Nguyễn Thị Thu H; chị Nguyễn Thị L, chị Lê Thị H. Tuy nhiên, họ đều khai không biết, không liên quan đến vấn đề tài sản chung của vợ chồng anh Lê Viết H, chị Nguyễn Thị Thu H và đề nghị Tòa án không đưa họ vào tham gia tố tụng, không triệu tập họ với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy nhiên, để giải quyết vụ án, Tòa án xác định và triệu tập họ tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng là đúng quy định.

[1.3]. Về việc hòa giải: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, nhiều lần thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp,

tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập hợp lệ cho chị Nguyễn Thị Thu H nhưng chị H đều vắng mặt không có lý do, không chấp hành các văn bản tố tụng, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó vụ án không tiến hành hòa giải được. Anh Lê Viết H có đơn yêu cầu không tiếp tục tiến hành hòa giải nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[1.4]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho hợp lệ cho người tham gia tố tụng. Bị đơn, đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Quan hệ tài sản chung), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt; Người làm chứng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Quan hệ tài sản chung), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng theo quy định.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Viết H và chị Nguyễn Thị Thu H kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 21/05/2021 tại UBND phường Thu Thủy, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn một năm, hai vợ chồng chung sống không hạnh phúc, không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống cũng như nuôi dạy con riêng của anh Lê Viết H. Để ổn định cuộc sống, anh H đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu H, không yêu cầu đoàn tụ. Theo chị H, do vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên chị H đồng ý ly hôn với anh H. Mặc dù tòa án đã tổ chức các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị H đều vắng mặt không có lý do. Điều này chứng tỏ chị H không có ý thức níu kéo, gìn giữ hạnh phúc gia đình. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh H, chị H thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh Lê Viết H và chị Nguyễn Thị Thu H.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh Lê Viết H và chị Nguyễn Thị Thu H không có con chung nên miễn xét.

[2.3]. Về quan hệ tài sản chung:

[2.3.1]. Về tài sản chung các bên thống nhất: Anh Lê Viết H và chị Nguyễn Thị Thu H thừa nhận vợ chồng có tài sản chung là: Thửa đất số 1188, tờ bản đồ số 11, diện tích 170m^2 tại xóm T (xóm 10 cũ), xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An đã được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCNQSD đất số CS 700102, nhượng quyền sử dụng đất cho ông Lê Viết H, bà Nguyễn Thị Thu H theo hồ sơ số 002333.CN.004, hiện đang thế chấp tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Cửa Lò. Sau khi ly hôn anh H có nguyện vọng được hưởng toàn

bộ quyền sử dụng đất nêu trên và trích tiền chênh lệch tài sản cho chị Nguyễn Thị Thu H.

Chị Nguyễn Thị Thu H có nguyện vọng trừ đi khoản nợ Ngân hàng 700.000.000 đồng còn lại chia đôi mỗi người một nửa.

Xét thấy, anh H có nguyện vọng nhận đất, chị H có nguyện vọng nhận tiền nên cần giao tài sản chung vợ chồng là quyền sử dụng đất thửa đất số 1188, tờ bản đồ số 11, tại xóm T (xóm 10 cũ), xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An có tứ cận: phía Bắc giáp thửa đất số 1186, tờ bản đồ 11; phía Nam giáp đường dân cư; phía Đông giáp thửa 1222, tờ bản đồ 11, phía Tây giáp đường dân cư cho anh Lê Viết H là phù hợp với nguyện vọng của các bên. Theo biên bản định giá tài sản ngày 24/08/2022, thửa đất số 1188, tờ bản đồ số 11 có giá trị: 680.000.000đ *(Sáu trăm tám mươi triệu đồng).* Giao cho anh Lê Viết H quyền sử dụng thửa đất 1188 và buộc anh Lê Viết H trích tiền chênh lệch tài sản bằng tiền là 340.000.000đ *(Ba trăm bốn mươi triệu đồng)* cho chị Nguyễn Thị Thu H.

[2.3.2]. Về tài sản chung các bên không thống nhất

Theo chị H, vợ chồng anh chị còn có tài sản chung gồm:

Phần tiền góp với anh Hoàng Anh Đ mua của vợ chồng anh Chu Văn H và chị Nguyễn Thị Thu H mảnh đất diện tích 1.000m^2 đất ở tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 04 tại Xóm 18, xã Nghi Trường, huyện Nghi Lộc số tiền 2.900.000.000 đồng, trong đó vợ chồng chị H góp 2.000.000.000 đồng, anh Hoàng Anh Đ góp 500.000.00 đồng. Ngày 02/12/2021, anh H bán cho anh Lê Văn T , địa chỉ khối V, phường H, thành phố V số tiền 3.510.000.000 đồng, trong đó anh H nhận tiền cọc 700.000.000 đồng.

Ngày 01/4/2021, chị H đặt cọc 50.000.000 đồng để mua của chị Nguyễn Thị L thửa đất số 619, tờ bản đồ 01, diện tích 360m^2, trị giá 432.000.000 đồng xóm T, xã N, huyện N. Tuy nhiên, lời khai của chị H có sự không thống nhất, tại đơn trình bày ngày 29/07/2022, chị H khai, ngày 25/01/2022, chị H tiếp tục thanh toán cho chị Lý 290.000.000 đồng. Tổng cộng chị L đã nhận của chị H 340.000.000 đồng, hiện đang làm thủ tục thửa đất chưa tách thửa. Tại bản tự khai đề ngày 22/08/2022, chị H khai, ngày 25/01/2022, chị H tiếp tục thanh toán cho chị L 260.000.000 đồng. Tổng cộng chị L đã nhận của chị H 310.000.000 đồng, hiện đang làm thủ tục thửa đất chưa tách thửa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành Quyết định yêu cầu chị H cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh việc góp tiền với anh Hoàng Anh Đ để mua đất của anh Chu Văn H, chị Nguyễn Thị H ; Tài liệu, chứng cứ chứng minh anh H chuyển nhượng đất cho anh Lê Văn T và tài liệu, chứng cứ chứng

minh chị H nhận chuyển nhượng đất của bà Nguyễn Thị L nhưng chị H không cung cấp. Tòa án đã tiến hành thu thập lời khai của anh Chu Văn H, chị Nguyễn Thị Thu H; bà Nguyễn Thị L, chị Lê Thị H, bà Hoàng Thị H nhưng họ đều khẳng định lời trình bày của chị H liên quan đến họ đều không đúng sự thật, không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Đại diện ủy quyền của chị H (Quan hệ tài sản chung) không có ý kiến gì về các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; không có tài liệu, chứng cứ giao nộp bổ sung; không yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ và triệu tập thêm người tham gia tố tụng, không có yêu cầu phản tố.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H có khai nại thêm về số tài sản chung, yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của chị H về giải quyết vấn đề tài sản chung liên quan đến việc chuyển nhượng đất với bà Nguyễn Thị L, ông Chu Văn H, bà Nguyễn Thị Thu H. Mặt khác những người chị H khai nại đều có văn bản khẳng định lời trình bày của chị H không đúng sự thật, không có căn cứ, họ đều không liên quan đến vấn đề tài sản chung của chị H, anh H. Ngoài ra, lời trình bày về tài sản chung vợ chồng của chị H về việc nhận chuyển nhượng đất của bà Nguyễn Thị L ngày 01/04/2021 còn có sự mâu thuẫn, không phù hợp vì ngày 21/05/2021 chị H và anh H mới đăng ký kết hôn.

[2.3.3]. Về kết quả xem xét, thẩm định và định giá tài sản.

Ngày 24/08/2022, Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Cụ thể:

- Tài sản thứ nhất: Thửa đất số 1188, tờ bản đồ số 11, diện tích 170m^2 tại xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 700102 ngày 25/10/2019 mang tên ông Võ Ngọc A , bà Nguyễn Lệ H , nhượng quyền sử dụng đất cho ông Lê Viết H, bà Nguyễn Thị Thu H theo hồ sơ số 002333.CN.004, có tứ cận: Phía Bắc: Giáp thửa đất 1186, tờ bản đồ 11; Phía Nam giáp đường dân cư; Phía Đông giáp thửa 1222, tờ bản đồ 11; Phía Tây giáp đường dân cư. Thửa đất này không có tài sản gắn liền với đất, không lấn chiếm, tranh chấp với thửa đất liền kề. Trị giá đất: 680.000.000 đồng.

- Tài sản thứ hai: Thửa đất số 1222, tờ bản đồ số 11 được UBND huyện Nghi Lộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 648629 ngày 10/08/2020 mang tên Lê Viết H, diện tích 434m^2, trong đó 200m^2 đất ở, 234m^2 đất trồng cây lâu năm, có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa 1055, tờ bản đồ 11; Phía Nam giáp đường dân cư; Phía Đông giáp thửa 1186, 1188 tờ bản đồ 11. Trị giá đất: 1.736.000.000 đồng.

Tài sản trên đất:

+. 01 lán trại công trình phụ (chăn nuôi lươn), mái tôn, tường bao quanh bằng táp – lô có da trát, toàn bộ cao 0,7m, bao che bằng tôn cao 0,9m, nền láng xi măng, có móng đá hộc bao quanh do anh Lê Viết H xây dựng năm 2020, có diện tích 418m^2, trị giá 77.714.560 đồng.

+. 01 bể nước xây dựng bằng bê tông cốt thép có nắp đậy bê tông cốt thép kích thước 6 x 6 x 2,5, trị giá: 100.781.064 đồng.

+. 01 bể nước lọc bằng bê tông cốt thép không có nắp đậy kích thước 6 x 0,8 x 0,8 được dây dựng năm 2020, trị giá: 501.043 đồng.

+. Bể nuôi lươn: xây dựng bên trong lán trại gồm 24 bể có kích thước mỗi bể (3,5 x 3,1), nền lát gạch men liên doanh, tường xây gạch táp lô nằm có da trát, ốp gạch men một mặt được xây dựng năm 2020, có giá trị: 52.288.320đồng.

+. 03 ống nhựa PVC, trị giá: 3.511.680 đồng.

+. 01 ống nhựa PVC, trị giá: 70.800 đồng

Tổng trị giá quyền sử dụng đất và tài sản trên thửa đất 1222, tờ bản đồ số 11 là: 234.867.467 đồng.

[2.4]. Về sự chồng lấn lán trại nuôi lươn giữa thửa đất số 1222, tờ bản đồ số 11 sang thửa đất 1055 và 1283 cùng tờ bản đồ số 11 – Bộ bản đồ địa chính xã Nghi Trường, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An:

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/08/2022 của Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, thửa đất số 1222, tờ bản đồ số 11 được UBND huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV64829 ngày 10/08/2020 mang tên anh Lê Viết H. Quá trình sử dụng anh H có xây dựng 12m^2 lán trại chồng lấn sang thửa đất 1055 tờ bản đồ số 11 thuộc quyền sử dụng của ông Lê Viết T, bà Nguyễn Thị M; Có xây dựng 20m^2 lán trại chồng lấn sang thửa đất 1283 tờ bản đồ số 11 – Bộ bản đồ địa chính xã Nghi Trường, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An – thuộc quyền sử dụng của ông Lê Viết T và bà Nguyễn Thị M.

Do vợ chồng ông Lê Viết T, bà Nguyễn Thị M – Người có quyền lợi bị xâm phạm và anh Lê Viết H không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc có sự chồng lấn lán trại nuôi lươn giữa thửa đất số 1222, tờ bản đồ số 11 sang sang thửa đất 1055 và 1283 cùng tờ bản đồ số 11 – Bộ bản đồ địa chính xã Nghi Trường, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An thuộc quyền sử dụng của ông Lê Viết T và bà Nguyễn Thị M. Vợ chồng ông T bà M và con trai Lê Viết H sẽ tự thỏa thuận với nhau. Căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.5]. Về nghĩa vụ trả nợ chung:

Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ngày 16/02/2022, anh Lê Viết H và chị Nguyễn Thị Thu H có làm thủ tục vay vốn tại ngân hàng theo các Hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số 28011/2022 – HĐCVHM/NHCT441, ký ngày 16/02/2022, số tiền vay: 700.000.000đ *(Bảy trăm triệu đồng)*.

Vì phía anh H, chị H có nhu cầu tăng thêm hạn mức vay vốn để bổ sung vốn phục vụ kinh doanh nuôi thuỷ sản nên ngày 24/02/2022, chị Nguyễn Thị Thu H đã ký Hợp đồng tín dụng 28014/2022 – HĐCVHM/NHCT441 với Ngân hàng. Hợp đồng tín dụng số 28014/2022 – HĐCVHM/NHCT441, ký ngày 24/02/2022, số tiền vay: 1.900.000.000đ (*Một tỷ chín trăm triệu đồng*). (Bao gồm dư nợ của hợp đồng 28011), theo giấy nhận nợ số 01 ngày 16/02/2022 số tiền 700.000.000đ (ngày đến hạn là 16/08/2022); Giấy nhận nợ số 02 ngày 24/02/2022 số tiền 1.200.000.000đ (ngày đến hạn 24/11/2022).

Anh Lê Viết H thừa nhận vợ chồng có khoản nợ chung 1.900.000.000 đồng với Ngân hàng và có nguyện vọng trực tiếp thực hiện nghĩa vụ trả nợ với ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký. Anh H đề nghị khấu trừ số tiền chênh lệch tài sản chung chị H được hưởng là 340.000.000 đồng vào số nợ chung chị H có nghĩa vụ phải trả cho ngân hàng 953.840.128 đồng. Chị H phải giao trả lại cho anh H 613.840.128 đồng. Chị H cho rằng đối với số tiền vay: 1.200.000.000đ *(Một tỷ hai trăm triệu đồng)* theo Hợp đồng tín dụng số 28014/2022 – HĐCVHM/NHCT441, ký ngày 24/02/2022, khoản nợ này chị H không liên quan vì tài sản thế chấp của anh H có trước khi kết hôn không đưa vào tài sản chung nên chị H không liên quan đến khoản nợ này. Khi vay tiền, anh H không dùng số tiền vay để chi tiêu gia đình mà nợ cho em gái tên là Lê Thị H 1.200.000.000 đồng nhờ chị Hoàng Thị H chuyển vào số tài khoản 030032050626 ngân hàng Sacombank TMCP Sài Gòn Thường Tín. Do đó, chị H không liên quan đến khoản nợ này.

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng 28014/2022 – HĐCVHM/NHCT441 ngày 24/02/2022, giấy nhận nợ số 01 ngày 16/02/2022; Giấy nhận nợ số 02 ngày 24/02/2022, việc chị H ký kết Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, ngay tình, công khai. Chị H là người trực tiếp ký nhận nợ số tiền 1.900.000.000 đồng. Do đó việc chị H khai nại số tiền vay 1.200.000.000đ *(Một tỷ hai trăm triệu đồng)* thế chấp tài sản riêng của anh H, anh H dùng để trả nợ cho chị Lê Thị H, không phải là nợ chung của vợ chồng không có căn cứ pháp lý để chấp nhận, hơn nữa chị Lê Thị H khẳng định không có bất kỳ giao dịch tiền bạc gì với chị H, anh H; chị Hoàng Thị H khẳng định không biết, không liên quan đến việc phân chia tài sản chung của chị H, anh H. Chị H không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Căn cứ vào Điều 27, Điều 37 Luật

Hôn nhân và gia đình năm 2014, xác đây là khoản nợ chung, có nghĩa vụ trả nợ chung của vợ chồng anh H, chị H.

Ngân hàng đề nghị tòa án giao tài sản chung của hai vợ chồng cho anh Lê Viết H và yêu cầu anh H chịu hoàn toàn trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi của Hợp đồng tín dụng 28014/2022 – HĐCVHM/NHCT441 cho ngân hàng, là hoàn toàn phù hợp. Tổng số tiền anh H có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng là 1.907.680.255 đồng; Trong đó tiền gốc: 1.897.225.892 đồng; lãi trong hạn 9.079.019 đồng; lãi phạt quá hạn 1.375.344 đồng tính đến ngày 13/10/2022 và các khoản tiền lãi, tiền phạt phát sinh sau ngày 13/10/2022 cho đến khi khách hàng hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng số số 28014/2022 – HĐCVHM/NHCT441 ký ngày 24/02/2022. Trường hợp khách hàng không thanh toán, thanh toán không đầy đủ, ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam có quyền phát mãi tài sản thế chấp nêu trên.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ngân hàng phù hợp với nguyện vọng của anh H và các thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 28014/2022 – HĐCVHM/NHCT441 ngày 24/02/2022 giữa anh Lê Viết H, chị Nguyễn Thị Thu H về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất, đồng thời phù hợp quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, các Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 8 và Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Do vậy, xác định nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng anh Lê Viết H và chị Nguyễn Thị Thu H đối với Ngân hàng là 1.900.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 28014/2022 – HĐCVHM/NHCT441, ký ngày 24/02/2022. Quá trình vay nợ, vợ chồng anh H đã trả được cho ngân hàng 2.774.108 đồng tiền gốc, 90.337.828 đồng tiền lãi, 3.624.642 đồng tiền lãi phạt quá hạn, tổng 96.736.578 đồng. Buộc anh Lê Viết H có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng số tiền 1.907.680.255 đồng; Trong đó tiền gốc: 1.897.225.892 đồng; lãi trong hạn 9.079.019 đồng; lãi phạt quá hạn 1.375.344 đồng tính đến ngày 13/10/2022 và các khoản tiền lãi, tiền phạt phát sinh sau ngày 13/10/2022 cho đến khi khách hàng hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng số số 28014/2022 – HĐCVHM/NHCT441 ký ngày 24/02/2022. Trường hợp khách hàng không thanh toán, thanh toán không đầy đủ, ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam có quyền phát mãi tài sản thế chấp nêu trên.

Chị H có nghĩa vụ hoàn trả cho anh H 953.840.128đ *(Chín trăm năm mươi ba triệu tám trăm bốn mươi nghìn một trăm hai mươi tám đồng)* nhưng được khấu trừ số tiền chênh lệch tài sản chung 340.000.000đ *(Ba trăm bốn mươi triệu đồng)* do anh H giao. Chị Nguyễn Thị Thu H phải hoàn lại cho anh Lê Viết H 613.840.128đ (*Sáu trăm mười ba triệu tám trăm bốn mươi nghìn một trăm hai mươi tám đồng).*

[2.6]. Về chi phí tố tụng.

Nguyên đơn anh Lê Viết H là người yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Tuy nhiên, nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh Hoàn tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 27, 37, 55, 60 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, 35, 39, 217, 218, 219, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, các Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 8 và Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Viết H và chị Nguyễn Thị Thu H.

2. Về con chung: Miễn xét.

3. Về quan hệ tài sản chung:

Giao cho anh Lê Viết H quyền sử dụng thửa đất số 1188, tờ bản đồ số 11, diện tích 170m^2 tại xóm Trường Phú, xã Nghi Trường, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 700102 ngày 25/10/2019 mang tên ông Võ Ngọc Anh, bà Nguyễn Lệ Hằng, nhượng quyền sử dụng đất cho ông Lê Viết H, bà Nguyễn Thị Thu H theo hồ sơ số 002333.CN.004, có tứ cận: Phía Bắc: Giáp thửa đất 1186, tờ bản đồ 11; Phía Nam giáp đường dân cư; Phía Đông giáp thửa 1222, tờ bản đồ 11; Phía Tây giáp đường dân cư. Trị giá đất: 680.000.000 đồng.

Anh Lê Viết H có nghĩa vụ trích chia tiền chênh lệch tài sản 340.000.000đ *(Ba trăm bốn mươi triệu đồng*) cho chị Nguyễn Thị Thu H.

4. Về nghĩa vụ chung về tài sản:

Buộc anh Lê Viết H có nghĩa vụ trả trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam số tiền 1.907.680.255đ *(Một tỷ chín trăm linh bảy triệu sáu trăm tám mươi nghìn hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng);* Trong đó tiền gốc: 1.897.225.892 đồng; lãi trong hạn 9.079.019 đồng; lãi phạt quá hạn

1.375.344 đồng tính đến ngày 13/10/2022 và các khoản tiền lãi, tiền phạt phát sinh sau ngày 13/10/2022 cho đến khi khách hàng hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng số số 28014/2022 – HĐCVHM/NHCT441 ký ngày 24/02/2022. Trường hợp khách hàng không thanh toán, thanh toán không đầy đủ, ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp.

Chị H có nghĩa vụ hoàn trả cho anh H 953.840.128đ *(Chín trăm năm mươi ba triệu tám trăm bốn mươi nghìn một trăm hai mươi tám đồng)* nhưng được khấu trừ số tiền chênh lệch tài sản chung 340.000.000đ *(Ba trăm bốn mươi triệu đồng)* do anh H giao. Chị Nguyễn Thị Thu H phải hoàn lại cho anh Lê Viết H 613.840.128đ *(Sáu trăm mười ba triệu tám trăm bốn mươi nghìn một trăm hai mươi tám đồng).*

Anh Lê Viết H được nhận số tiền 613.840.128đ *(Sáu trăm mười ba triệu tám trăm bốn mươi nghìn một trăm hai mươi tám đồng)* do chị Nguyễn Thị Thu H giao trả.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

5. Về án phí:

Anh Lê Viết H phải chịu 57.765.200đ *(Năm mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm *(Trong đó 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; 17.000.000 đồng án phí chia tài sản chung; 40.615.200 đồng án phí nợ chung)* nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 36.020.000 đồng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cửa Lò theo biên lai số 0001117 ngày 19/07/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cửa Lò. Anh H còn phải nộp: 21.745.200đ *(Hai mươi mốt triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm đồng).*

Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 57.615.200đ *(Năm mươi bảy triệu sáu trăm mười lăm nghìn hai trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm *(Trong đó 17.000.000 đồng án phí chia tài sản chung; 40.615.200 đồng án phí nợ chung).*

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND thị xã Cửa Lò;
- Chi cục THADS thị xã Cửa Lò;
- UBND phường Thu Thủy, TX Cửa Lò;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Khánh